

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **62/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 11-09- 2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2020/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐXX - ST ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đỗ Thị Thanh H; sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: ông Lường Công P; sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. ông Phạm Văn V; sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. ông Lường Công S; sinh năm: 1972 (vắng mặt)

3. bà Lê Thị Lệ H; sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

4. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện hợp pháp: ông Hạp Tiến K; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện B. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông Lường Công Phúc tự nguyện chung sống năm 2007 và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2011. Bà H và ông P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông P thường xuyên uống rượu và còn đánh đập bà H. Từ đầu năm 2020 bà H và ông P đã sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống kinh tế độc lập. Mặc dù Tòa án đã hòa giải nhưng ông không thể quay về đoàn tụ. Vì vậy bà H làm đơn yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: có 03 con chung tên là Lường Bảo Tr, sinh ngày: 03/10/2008; Lường Thanh T, sinh ngày: 02/01/2014 và Lường Ngọc Khả H, sinh ngày: 06/7/2018. Bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và cháu T. Giao cháu Lường Bảo Tr cho ông P nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (phòng giao dịch huyện B) số tiền 12.000.000đồng, thời hạn trả năm 2023.

- Nợ số tiền 10.000.000đồng phân bón của ông Phạm Văn V.

- Nợ ông Lường Công Sáng bà Lê Thị Lệ H số tiền 30.000.000đồng. Ngoài ra không còn nợ ai khác và không còn ai nợ ông bà. Tuy nhiên đối với số nợ ông Sáng bà H đã trả. Đối với số nợ này bà H có nguyện vọng chia đôi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì khác.

** Bị đơn ông Lường Công P vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai ngày 04/5/2020 ông P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Đỗ Thị Thanh H tự chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bà H đi làm và có quan hệ với người đàn ông khác, ông P phát hiện bà H nhắn tin với người đàn ông khác nên ông đã quay lại và tức giận và ông có tát bà H một cái. Bà H thường xuyên đi khuya, gần đây khoảng 05 tháng nay bà H đã bỏ nhà đi ra ngoài thuê trọ ở Bù Đăng, trong thời gian này ông và bà H đã sống ly thân đến nay. Bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì các con còn nhỏ muốn đoàn tụ để nuôi dạy con và bản thân còn tình cảm với bà H.

Về con chung: có 03 cháu tên Lường Bảo Tr, sinh ngày: 30/10/2008, cháu Lường Thanh T, sinh ngày: 02/01/2014 và Lường Ngọc Khả H, sinh ngày: 06/7/2018. Nếu ly hôn ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Tr và cháu H, giao

cháu T cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng ông không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (phòng giao dịch huyện B) số tiền 12.000.000đồng, thời hạn trả năm 2023.

- Nợ phân bón số tiền 10.000.000đồng của ông Phạm Văn V.

- Nợ ông Lương Công S; trú tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 30.000.000đồng.

Ngoài ra không còn khoản nợ chung nào khác. Tổng số nợ chung là 52.000.000đồng, nếu ly hôn ông có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng quan bản tự khai ông V trình bày: ông có cho vợ chồng ông Lương Công P và bà Đỗ Thị Thanh H nợ tiền phân bón số tiền 13.310.000đồng. Tuy nhiên ông P đã trả 5.310.000đồng. Hiện nay vợ chồng ông P và bà H còn nợ 8.000.000đồng. Vợ chồng ông P và bà H nợ tiền phân bón của ông chứ không phải của Công ty H. Đối với số tiền nợ còn lại ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì ông và ông P tự thỏa thuận với nhau. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Công S và bà Lê Thị Lệ H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quan bản tự khai ông S và bà H trình bày: ông là anh ruột của ông P, vợ chồng ông có cho vợ chồng ông Lương Công P và bà Đỗ Thị Thanh H vay số tiền 30.000.000đồng để trả tiền Hội nông dân. Hai bên thỏa thuận 30/4/2021 sẽ trả. Hiện nay vợ chồng ông P và bà H ly hôn, vợ chồng ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết vì ông và ông P tự thỏa thuận với nhau. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử.

* Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam ông Hạp Tiến K trình bày: Vợ chồng ông Lương Công P và bà Đỗ Thị Thanh H có vay của Ngân hàng số tiền 12.000.000đồng theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường theo số mã khách hàng 7081074812. Thời hạn trả vào ngày 15/5/2022, vay theo diện tín chấp. Hiện nay bà H yêu cầu ly hôn với ông P. Để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu ông P và bà H phải trả số tiền gốc cho Ngân hàng 12.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2020 với số tiền 80.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 12.080.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên vẫn để án quá hạn xét xử.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33; Điều 51; Điều 53; Điều 56; 59,81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

- Về con chung: Giao Lường Bảo Tr, sinh ngày: 30/10/2008, cháu Lường Thanh T, sinh ngày: 02/01/2014 cho ông Lường Coong P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Giao cháu Lường Ngọc Khả H, sinh ngày: 06/7/2018 cho bà Đỗ Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung:

Buộc ông P và bà H phải trả số tiền gốc 12.000.000đồng và tiền lãi theo quy định cho Ngân hàng chính sách.

Đối với nợ ông Sáng bà H và nợ ông V không xem xét giải quyết vì tự thỏa thuận.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; giấy kết hôn; giấy chứng nhận QSD đất (bản sao); sổ vay vốn (photo); 03 giấy khai sinh bản photo chứng thực.

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị Thanh H và ông Lường Coong P tự nguyện chung sống năm 2007 và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2011. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 23/2011 ngày 15/6/2011 đã được bà H giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Thanh H và ông Lường Coong P là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Nguyên đơn Bà H khai bà và ông P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông P thường xuyên uống rượu và còn đánh đập bà H. Từ đầu năm 2020 bà H và ông P đã sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống kinh tế độc lập. Bị đơn ông P khai ông và bà H sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bà H đi làm

và có quan hệ với người đàn ông khác, ông P phát hiện bà H nhắn tin với người đàn ông khác nên ông đã quay lại và tức giận và ông có tát bà H một cái. Bà H thường xuyên đi khuya, gần đây khoảng 05 tháng nay bà H đã bỏ nhà đi ra ngoài thuê trọ ở Bồ Đăng, trong thời gian này ông và bà H đã sống ly thân đến nay. Ông không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn các bên khai không thống nhất, tuy nhiên bị đơn và nguyên đơn đều xác nhận ông và bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống kinh tế độc lập. Như vậy, có đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa bà H và ông P có mâu thuẫn xảy ra và mâu thuẫn giữa ông và bà là trầm trọng làm mục đích hôn nhân giữa ông và bà không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2] Về con chung: có 03 cháu tên Lường Bảo Tr, sinh ngày: 30/10/2008, cháu Lường Thanh T, sinh ngày: 02/01/2014 và Lường Ngọc Khả H, sinh ngày: 06/7/2018. Bị đơn có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trâm và cháu Tiên; Giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng. Nguyên đơn bà H đồng ý. Mặt khác, hiện nay cháu Tr và cháu T đang sống với ông P. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận việc nuôi con của các đương sự cụ thể: Giao cháu Lường Bảo Tr, sinh ngày: 30/10/2008, cháu Lường Thanh T, sinh ngày: 02/01/2014 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Giao cháu Lường Ngọc Khả H, sinh ngày: 06/7/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ:

* Đối với số nợ 12.000.000đồng của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Đây là nợ trong thời kỳ hôn nhân được xác định là nợ chung. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu ông P và bà H liên đới trả số nợ trên. Mặc dù thời hạn trả nợ vào ngày 15/5/2022 nhưng việc ly hôn của nguyên đơn và bị đơn ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn của Ngân hàng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông P và bà H trả số tiền gốc 12.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 80.000đồng. Tổng cộng ông P và bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền 12.080.000đồng

* Đối với số nợ ông Phạm Văn V, Quá trình giải quyết vụ án ông V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và tách ra giải quyết trong vụ án khác khi đương sự yêu cầu.

* Đối với số nợ ông Lương Coong S và bà Lê Thị Lệ H, Quá trình giải quyết vụ án ông S bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và tách ra giải quyết trong vụ án khác khi đương sự yêu cầu.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc các đương sự nộp án phí theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ Luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Thanh H về việc ly hôn. Bà Đỗ Thị Thanh H được ly hôn với ông Lương Coong Phốc.

[2] Về con chung: Giao cháu Lương Bảo Tr, sinh ngày: 30/10/2008, cháu Lương Thanh T, sinh ngày: 02/01/2014 cho ông Lương Coong P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao Lương Ngọc Khả H, sinh ngày: 06/7/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Buộc ông Lương Coong P và bà Đỗ Thị Thanh H liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc 12.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 80.000đồng. Tổng cộng ông P bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền 12.080.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo hợp đồng vay vốn (giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) ngày 22/4/2017 mà hai bên đã ký kết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010234 ngày 28/4/2020.

Buộc bà Đỗ Thị Thanh H và ông Lương Coong P phải nộp tiền 604.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điền Thị Hạnh